

SỞ TƯ PHÁP
TỈNH BÀ RỊA
VŨNG TÀU

Digitally signed by SỞ TƯ PHÁP TỈNH
BÀ RỊA VŨNG TÀU
DN: c=VN, st=Bà Rịa-Vũng Tàu,
l=Tp.Bà Rịa, cn=SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ
RỊA VŨNG TÀU,
o=9.2342.19200300.100.1.1=MST:350
0287275
Date: 2016.03.03 10:28:15 +07'00'

Văn bản
[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45 /2011/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 23 tháng 8 năm 2011

SỞ TƯ PHÁP T. BÀ RỊA-VŨNG TÀU
CÔNG VĂN DẪN
Số: 452
Ngày 26/8/2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Luật giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015 (Nghị định số 49/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số: 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ (Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH);

Căn cứ Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Khóa V - kỳ họp thứ 2 về Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số: 424 /TTLS-GDĐT-TC-LĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2011 về việc Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể như sau:

1. Quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

a) Đối tượng không phải đóng học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP.

b) Đối tượng được miễn học phí:

Ngoài các đối tượng được miễn học phí theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và Quyết định số 09/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015, các đối tượng sau cũng thuộc diện được miễn học phí:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con hộ nghèo theo chuẩn của Tỉnh;

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình Trung học phổ thông hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên có cha mẹ thường trú tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con hộ nghèo theo chuẩn Quốc gia và chuẩn của Tỉnh;

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân;

- Trẻ em học mẫu giáo, học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại huyện Côn Đảo.

c) Đối tượng được giảm học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5. Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và khoản 2 Điều 2. Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

d) Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

Ngoài các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, các đối tượng sau cũng được hỗ trợ chi phí học tập:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con hộ nghèo theo chuẩn của Tỉnh;

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình trung học phổ thông hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân;

- Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Côn Đảo.

đ) Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Điều 3. Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

e) Kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Quy định học phí:

a) Mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông

Đơn vị : ngàn đồng/tháng/học sinh

STT	Cấp học	Từ năm học 2011 – 2012 trở đi	
		Nông thôn	Thành thị
01	Nhà trẻ	50	80
02	Mẫu giáo 1 buổi	20	40
03	Mẫu giáo 2 buổi, bán trú	30	70
04	Trung học cơ sở	30	40
05	Trung học phổ thông	40	60
06	BT trung học cơ sở	30	50
07	THPT hệ Giáo dục thường xuyên	60	80

Từ năm học 2012 - 2013 trở đi, mức học phí giao Liên Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

b) Mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

- Đào tạo trình độ Trung cấp chuyên nghiệp:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh

Stt	Nhóm ngành	Năm 2011- 2012	Năm 2012- 2013	Năm 2013- 2014	Năm 2014- 2015
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	200	240	270	310
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn; du lịch.	220	270	320	360
3	Y dược	315	395	480	560

Đối với Trường Cao đẳng Cộng đồng, năm học 2010-2011 thu mức học phí Trường đang áp dụng là 80.000 đồng/tháng/sinh viên.

- Đào tạo trình độ Cao đẳng:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

Stt	Nhóm ngành	Năm 2011-2012	Năm 2012-2013	Năm 2013-2014	Năm 2014-2015
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản.	230	270	310	350
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn; du lịch.	250	310	360	420

- Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề:

Đơn vị : ngàn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

STT	Trình độ	Năm 2011-2012	Năm 2012-2013	Năm 2013-2014	Năm 2014-2015
1	Trung cấp nghề	210	230	240	250
2	Cao đẳng nghề	230	250	260	280

- Các mức thu học phí trên, áp dụng cho các đối tượng là học sinh, sinh viên thuộc diện đào tạo trong chỉ tiêu ngân sách nhà nước; đồng thời phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Quy định về tổ chức thu và sử dụng học phí:

a) Thu học phí : Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010.

b) Sử dụng học phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP.

c) Quản lý học phí và chế độ báo cáo : Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

Những nội dung khác của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH vẫn áp dụng và thực hiện trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định của Nghị định và Thông tư.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh Xã hội và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ địa phương VPCP;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp, Cục Kiểm tra VBQPPL;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HỘI đồng Nhân dân Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- UBMTTQ Tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các ban HĐND Tỉnh;
- Như điều 4;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể trong Tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thị, TP;
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Đài PTTH, Báo BR-VT;
- Lưu VT-TH.v2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Dũng